

Số: 1918/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2025 của các Chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 23/02/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 25/06/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ các Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 24/12/2024; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 299/TTr-STC ngày 20/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2025 của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương:

- *Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ cơ quan, đơn vị:*

Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ xã của 04 xã, gồm: Phù Mỹ Nam, Ia Bông, Hra, Lơ Pang. Trong đó, giảm kế hoạch vốn từ các dự án bị vướng giải phóng mặt bằng hoặc không triển khai do thay đổi mục tiêu đầu tư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để bổ sung các dự án khác cùng đối tượng hỗ trợ của chương trình có nhu cầu bổ sung vốn thực hiện, nhằm đảm bảo việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

- *Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư phát triển giữa các cơ quan, đơn vị:*

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt): 3.455,54 triệu đồng (*dự án chuyển cho Ban QLDA Giao thông và Dân dụng tỉnh tiếp nhận và tiếp tục triển khai thực hiện*) hỗ trợ lại cho xã Tây Sơn (*địa điểm thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)*) tiếp tục thực hiện và thanh toán các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên cùng địa bàn.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2025 xã Vĩnh Quang: 154,447 triệu đồng và chuyển vốn sang cho xã Ngô Mỹ để thanh toán khối lượng hoàn thành.

b) Vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh:

- *Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ xã Xuân An:* Trong đó, giảm kế hoạch vốn năm 2025 từ dự án không triển khai thực hiện được do bị vướng giải phóng mặt bằng, để bổ sung cho dự án khác để thanh toán khối lượng hoàn thành.

- *Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư phát triển giữa các cơ quan, đơn vị:* Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2025 xã An Lão: 79,915 triệu đồng của dự án đã hết khối lượng thanh toán, không còn nhu cầu sử dụng và chuyển vốn sang cho dự án của xã Ngô Mỹ để thanh toán khối lượng hoàn thành.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương:

- *Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ cơ quan, đơn vị:*

Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ xã của 08 xã, gồm: Ia Bông, Ia Ko, Ia Hiao, Chơ Long, Canh Vinh, Canh Liên, An Hòa và Ân Tường; trong đó, giảm kế hoạch vốn từ các dự án đã hết khối lượng thanh toán, dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao do không triển khai thực hiện, để bổ sung các dự án khác cùng đối tượng hỗ trợ của chương trình có nhu cầu bổ sung vốn thực hiện, nhằm đảm bảo việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

- *Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư phát triển giữa các cơ quan, đơn vị:*

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2025 xã Vĩnh Quang: 490,507 triệu đồng của dự án đã hết khối lượng thanh toán, không còn nhu cầu sử dụng và bổ sung vốn năm 2025 cho dự án khởi công mới thuộc xã Vĩnh Thạnh nhưng địa

phương có cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025 theo quy định.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Gộp Nước Ló Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư: 9.466 triệu đồng (*dự án bị vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng không triển khai được*) để bổ sung vốn cho các dự án cùng Chương trình trên địa bàn ở các xã gồm: Vạn Đức, Ân Tường, Tây Sơn, Kim Sơn và Bình Phú, để thanh toán khối lượng hoàn thành và triển khai một số dự án khởi công mới nhưng địa phương có cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025 theo quy định.

b) Vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh:

- *Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ cơ quan, đơn vị:*

Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ xã của 05 xã, gồm: Chợ Long, Canh Vinh, Canh Liên, An Hòa và Vĩnh Thạnh; trong đó giảm kế hoạch vốn từ các dự án đã hết khối lượng thanh toán không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao, để bổ sung các dự án khác cùng đối tượng hỗ trợ của chương trình có nhu cầu bổ sung vốn thực hiện, nhằm đảm bảo việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

- *Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư phát triển giữa các cơ quan, đơn vị:*

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Gộp Nước Ló Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư: 1.420 triệu đồng (*dự án bị vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng không triển khai được*) để bổ sung vốn cho dự án khởi công mới thuộc xã Tây Sơn nhưng địa phương có cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025 theo quy định.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 của các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh: 371,252 triệu đồng của các dự án đã hết khối lượng thanh toán, không còn nhu cầu sử dụng và bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 cho dự án khởi công mới của xã Vĩnh Thạnh nhưng địa phương có cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025 theo quy định.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

* ***Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương:*** Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ cơ quan, đơn vị:

Điều chỉnh kế hoạch vốn trong cùng nội bộ xã Chợ Long; trong đó, giảm kế hoạch vốn 02 dự án đã hết khối lượng thanh toán, để bổ sung 01 dự án khác cùng đối tượng hỗ trợ của chương trình có nhu cầu bổ sung vốn thực hiện, nhằm đảm bảo việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

(có Phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phải đảm bảo tiến độ giải ngân vốn theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 807/UBND-NC ngày 23/7/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn năm 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- LĐVP, CVVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C4.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp

Phu lục:

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH NĂM 2025

CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Đính kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới													
A1	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG													
I	Điều chỉnh vốn trong nội bộ xã													
1	Xã Phù Mỹ Nam								0,000					
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
a	Danh mục giảm vốn								-200,000					
	Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa													
	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Nhon	Vĩnh Nhon			450			200,000	-200,000	0,000				Không thực hiện
b	Danh mục tăng vốn								200,000					
	Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa													
	Xây dựng nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 3	Vĩnh Phú 3	2023	244/QĐ-UBND ngày 28/06/2023	143			0,000	32,000	32,000				Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Vĩnh Phú 7	Vĩnh Phú 7	2023	248/QĐ-UBND ngày 10/07/2023	543			0,000	53,040	53,040				Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nhà Văn Hóa thôn Đại Sơn. HM: Mở rộng, nâng cấp nhà làm việc, tường rào, cổng ngõ	Đại Sơn	2023	402/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	494			0,000	30,867	30,867				Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nhà Văn Hóa thôn Đại Thanh, hạng mục: Mở rộng, nâng cấp nhà làm việc, tường rào, cổng ngõ	Đại Thanh	2023	406/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	597			0,000	40,681	40,681				Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Đại Thuận	2024	479/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	598			0,000	43,412	43,412				Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Ia Bông								0,000			0,000		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
a	Danh mục giảm vốn								-686,545			-686,545		
	Tiêu chí: Giao thông													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Đường giao thông làng Tung+ Sung O - Bo òng Nga	làng Tung, Sung O, Boòng Nga	2025	197/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.041			1.000,000	-22,597	977,403	1.000,000	-22,597	977,403	Hết khối lượng thanh toán
	Tiêu chí: Trường học													
	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	Làng Sung O,- Boòng Nga	2025	195/QĐ - UBND ngày 03/12/2024	950			950,000	-27,046	922,954	950,000	-27,046	922,954	Hết khối lượng thanh toán
	Trường TH&THCS Kim Đồng (điểm trường làng Tung, Sung O - Bo òng Nga và làng Grang)	Làng Tung, Sung O - Bo òng Nga và làng Grang	2025	196/QĐ - UBND ngày 03/12/2024	650			650,000	-22,356	627,644	650,000	-22,356	627,644	Hết khối lượng thanh toán
	Trường TH&THCS Kim Đồng (điểm trường trung tâm)	Làng Sung O,- Boòng Nga	2025	194/QĐ - UBND ngày 03/12/2024	1.400			1.400,000	-38,546	1.361,454	1.400,000	-38,546	1.361,454	Hết khối lượng thanh toán
	Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa													
	Các nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn xã (thôn Xuân Me, làng Nốt)	thôn Xuân Me, làng Nốt	2025	90/QĐ - UBND ngày 15/11/2024	619			576,000	-576,000	0,000	576,000	-576,000	0,000	Sáp nhập xã và dự kiến sáp nhập thôn nên chuyển vốn sang công trình khác
b	Danh mục tăng vốn								686,545			686,545		
	Tiêu chí: Trường học													
	Trường THCS Quang Trung	Làng Quen	2025		760	687	73	0,000	686,545	686,545	0,000	686,545	686,545	Cam kết triển khai thực hiện và giải ngân đạt 100% trước 31/12/2025
3	Xã Hra								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-1.395,155			-1.395,155		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Trường học													
	Trường Mẫu giáo Hra	Làng Kdung (tổ 2)	2025					620,000	-620,000	0,000	620,000	-620,000	0,000	Thay đổi số lượng lớp học do chuyển lớp mẫu giáo về các phân hiệu gần làng
	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Môi trường và an toàn thực phẩm													
	Xây mới nghĩa địa xã	Làng Bok Ayol	2025					775,155	-775,155	0,000	775,155	-775,155	0,000	Không phù hợp với quy hoạch xã nên ko triển khai
b	Danh mục tăng vốn								1.395,155			1.395,155		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Tiêu chí: Giao thông													
	Đường BTXM nội làng Bok Ayol (Đoạn 1: Từ nhà ông Theng đến nhà ông Phi; Đoạn 2: Từ nhà ông AnSôm đến nhà ông Chrữ; Đoạn 3: Từ nhà ông Gam đến nhà ông Grữ; Đoạn 4: Từ nhà ông Trọng đến nhà ông LyKa; Đoạn 5: Từ nhà ông Suru đến nhà ông Hin)	Làng Bok Ayol	2025		1.500	1.395	105	0,000	1.395,155	1.395,155	0,000	1.395,155	1.395,155	Cam kết triển khai thực hiện và giải ngân đạt 100% trước 31/12/2025
4	Xã Lơ Pang								0,000			0,000		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
a	Danh mục giảm vốn								-250,000			-250,000		
	Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa													
	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Đak Trang	Làng Đak Trang	2025					250,000	-250,000	0,000	250,000	-250,000	0,000	Không triển khai
b	Danh mục tăng vốn								250,000			250,000		
	Tiêu chí: Trường học													
	Nâng cấp các hạng mục trường mầm non số 1 xã Lơ Pang	Làng Chuk	2025		275	250	25	0,000	250,000	250,000	0,000	250,000	250,000	Cam kết triển khai thực hiện và giải ngân đạt 100% trước 31/12/2025
II	Điều chỉnh vốn giữa các cơ quan, đơn vị								0,000			0,000		
1	Danh mục giảm vốn								-3.609,989			-3.609,989		
1.1	Huyện Tây Sơn (cũ) (hỗ trợ huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)								-3.455,542			-3.455,542		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Môi trường													
	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	Xã Tây Xuân (cũ)	2023-2025	2841/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	42.138			4.588,000	-3.455,542	1.132,458	4.588,000	-3.455,542	1.132,458	Dự án chuyển về Ban QLDA Giao thông và dân dụng tỉnh tiếp tục triển khai
1.2	Xã Vĩnh Quang								-154,447			-154,447		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Giao thông													
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM khu dân cư thôn Định Quang. Hạng mục: Tuyến từ nhà ông 3 Dũng đến nhà ông Thông tổ 5	Thôn Định Quang	2025	3924/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	945			849,590	-154,447	695,143	849,590	-154,447	695,143	Hết khối lượng thanh toán
2	Danh mục tăng vốn								3.609,989			3.609,989		
2.1	Xã Tây Sơn								3.455,542			3.455,542		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Giao Thông													
	Đường từ Quốc lộ 19 đến giáp đường bê tông vào Nghĩa trang nhân dân thôn 2	Thôn 2, xã Bình Nghi (trước đây)	2024	553/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	288	200	88	0,000	200,000	200,000	0,000	200,000	200,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa, nâng cấp đường nội bộ KDC Xoài 1	Thôn 2, xã Bình Nghi (trước đây)	2024	570/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	1.197	800	397	0,000	800,000	800,000	0,000	800,000	800,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp chỉnh trang đường nội bộ KDC	Thôn 2, xã Bình Nghi (trước đây)	2024	576/QĐ-UBND 10/9/2024	682	303	379	0,000	303,000	303,000	0,000	303,000	303,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Tiêu chí: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				0		0							
	Mương từ Gò Trầu đến kênh mương đập dâng Phú Phong; HM: Kênh bê tông	Thôn Thủ Thiện Thượng, xã Bình Nghi (trước đây)	2024	607/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	545	250	295	0,000	250,000	250,000	0,000	250,000	250,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa				0		0							
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 2	Thôn 2, xã Bình Nghi (trước đây)	2025	108/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	731	548	183	0,000	548,000	548,000	0,000	548,000	548,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn 3, sân bê tông	Thôn 3, xã Bình Nghi (trước đây)	2025	109/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	605	454	151	0,000	454,000	454,000	0,000	454,000	454,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Tiêu chí: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				0		0							
	Cải tạo, sửa chữa chợ xoài 1	Thôn 2, xã Bình Nghi (trước đây)	2024	468/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	1.203	901	302	0,000	900,542	900,542	0,000	900,542	900,542	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2.2	Xã Ngõ Mây								154,447			154,447		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Giao thông													
	Cấp phối GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: ĐT 640 - xóm Chánh Hóa	Thôn Chánh Hội, xã Ngõ Mây	2024-2025	305/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	1.198			350,000	154,447	504,447	350,000	154,447	504,447	Thanh toán khối lượng hoàn thành
A2	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH													
I	Điều chỉnh vốn trong nội bộ xã													
1	Xã Xuân An											0,000		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
a	Danh mục giảm vốn											-50,500		
	Tiêu chí: Giao thông													
	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến : Từ QL 19B đến nhà Hồ Bốn	Liên Trì									50,500	-50,500	0,000	Bị vướng BT, GPMB không thực hiện
b	Danh mục tăng vốn											50,500		
	Tiêu chí: Giao thông													
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL19B đến đường trục KKT nối dài	Cát Tường	2023	107/QĐ-UBND, ngày 13/03/2023	14.999						593,500	50,500	644,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Điều chỉnh vốn giữa các cơ quan, đơn vị											0,000		
1	Danh mục giảm vốn											-79,915		
1.1	Xã An Lão											-79,915		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Trường học													
	Sửa chữa, nâng cấp Trường tiểu học An Hưng	An Hưng Cũ			1.100						1.100,000	-79,915	1.020,085	Hết khối lượng thanh toán
2	Danh mục tăng vốn											79,915		
2.2	Xã Ngõ Mây											79,915		
	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)													
	Tiêu chí: Giao thông													
	Cấp phối GTNT xã Cát Chánh; Tuyến: ĐT 640 - xóm Chánh Hóa	Thôn Chánh Hội, xã Ngõ Mây	2024-2025	305/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	1.198						0,000	79,915	79,915	Thanh toán khối lượng hoàn thành
B	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi													
B1	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG													
I	Điều chỉnh vốn trong nội bộ xã													
1	Xã Ia Bòng								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-36,901			-36,901		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Đường giao thông làng La. Hạng mục: Nền, mặt đường	Làng La	2025	198/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	756			756,000	-29,747	726,253	756,000	-29,747	726,253	Hết khối lượng thanh toán

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Đường giao thông làng Khor xã Ia Bông: (Hạng mục rãnh thoát nước).	Làng Khor	2025	253/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	410			410,000	-7,154	402,846	410,000	-7,154	402,846	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								36,901			36,901		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Sân bóng chuyền làng La: hạng mục nâng cấp, sửa chữa sân bóng chuyền	Làng La	2025		40	37	3	0,000	36,901	36,901	0,000	36,901	36,901	
2	Xã Ia Ko								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-280,000			-280,000		
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt													
	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở							280,000	-280,000	0,000	280,000	-280,000	0,000	Xã đã được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 và kinh phí đối ứng của người dân
b	Danh mục tăng vốn								280,000			280,000		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nội dung 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn							0,000	280,000	280,000	0,000	280,000	280,000	
3	Xã Ia Hiao								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-20,480			-20,480		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
	Đường GTNT thôn Sô Ma Long A, Sô Ma Long B, xã Chrôh Ponan	Thôn Sô Ma Long A, Thôn Sô Ma Long B	2025	57/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	263			262,500	-6,518	255,982	262,500	-6,518	255,982	Hết khối lượng thanh toán
	Hệ thống thoát nước thôn Sô Ma Long A, xã Chrôh Ponan	Thôn Sô Ma Long A	2025	59/QĐ-UBND ngày 14/4/202	693			693,460	-13,272	680,188	693,460	-13,272	680,188	Hết khối lượng thanh toán
	Đường GTNT Bôn Ling, xã Ia Hiao	Thôn Bôn Ling	2025	48/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	478			477,980	-0,690	477,290	477,980	-0,690	477,290	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								20,480			20,480		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>													
	Cải tạo đường giao thông thôn Sô Ma Long A và Sô Ma Long B, xã Ia Hiao	Thôn Sô Ma Long A, Thôn Sô Ma Long B	2025		250		222	28	200,790	20,480	221,270	200,790	20,480	221,270
4	Xã Chơ Long								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-725,194			-725,194		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>													
	Đường giao thông nội làng Brul	Làng Brul, xã Chơ Long	2025	192/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.500			1.500,000	-82,875	1.417,125	1.500,000	-82,875	1.417,125	Hết khối lượng thanh toán
	Đường giao thông nội đồng làng Tpon	Làng Tpon, xã Chơ Long	2025	193/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.500			1.500,000	-72,678	1.427,322	1.500,000	-72,678	1.427,322	Hết khối lượng thanh toán
	Đường nội đồng Thôn 3	Thôn 3 xã Chơ Long	2025	165/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	2.000			2.000,000	-84,985	1.915,015	2.000,000	-84,985	1.915,015	Hết khối lượng thanh toán
	Đường nội thôn thôn 4	Thôn 4 xã Chơ Long	2025	163/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	833			833,000	-35,656	797,344	833,000	-35,656	797,344	Hết khối lượng thanh toán

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình													
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN													
	Xã Đăk Pư Pho	Xã Đăk Pư Pho (trước đây)	2025	41/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	108			225,000	-225,000	0,000	225,000	-225,000	0,000	Theo các Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 và số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của huyện Kông Chro
	Xã Chợ Glong	Xã Chợ Glong (trước đây)	2025	65/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	108			224,000	-224,000	0,000	224,000	-224,000	0,000	Theo các Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 và số 127/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của huyện Kông Chro
b	Danh mục tăng vốn								725,194			725,194		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Đường nội đồng thôn 8 xã Chợ Long	Thôn 8, xã Chợ Long	2025		805	726	79	0,000	725,194	725,194	0,000	725,194	725,194	
5	Xã Canh Vinh								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-600,000			-600,000		
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt													
	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung làng Canh Tiến, xã Canh Liên	Làng Canh Tiến			3.000			600,000	-600,000	#REF!	600,000	-600,000	0,000	Làng Canh Tiến đã có hệ thống điện lưới quốc gia nên đa số các hộ dân sử dụng nước bơm từ giếng, không triển khai dự án,
b	Danh mục tăng vốn								600,000			600,000		
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	San ủi mặt bằng và đầu tư đường nội bộ khu dân cư xen ghép làng Canh Tiến	Làng Canh Tiến			1.300	663	637	0,000	600,000	600,000		600,000	600,000	UBND xã cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
6	Xã Canh Liên								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-124,045			-124,045		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ làng Hà Giao đến làng Kon Lót, làng Chôm, làng Cát, làng Kà Bông, làng Kà Bưng, làng Kà Nâu (giai đoạn 2)	Xã Canh Liên	2024-2025	2048/QĐ-UBND, 05/8/2024	5.553			5.558,000	-124,045	5.433,955	2.952,000	-124,045	2.827,955	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								124,045			124,045		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Sửa chữa cống tràn và đường bê tông suối Kà Chuối 1, làng Kà Nâu	Kà Nâu	2025		432			0,000	124,045	124,045	0,000	124,045	124,045	UBND xã cam kết giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
7	Xã An Hòa								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-197,712			-197,712		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Làm mới đường bê tông GTNT từ thôn 3 qua thôn 4	Thôn 3, 4 xã An Quang (cũ)	2025	64a/QĐ-UBND ngày 31/03/2025	706			837,000	-197,712	639,288	836,000	-197,712	638,288	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								197,712			197,712		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng xã An Hòa	Xã An Hòa	2025-2026		400			0,000	197,712	197,712	0,000	197,712	197,712	UBND xã cam kết giả ngân 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
8	Xã Ân Tường								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-700,000			-700,000		
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực													
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS													
	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hoà An, hạng mục: Nâng cấp các phòng lớp học	Thôn Xuân sơn, Xã Ân Tường	2025		2.900			2.257,00	-700,000	1.557,000	2.257,00	-700,000	1.557,000	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								700,000			700,000		
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực													
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS													
	Sửa chữa, nâng cấp Trường PTDT Nội trú, Hạng mục: Dãy nhà ở học sinh	Thôn Xuân sơn, Xã Ân Tường	2023	179/QĐ-SKHĐT, 11/7/2023	8.532			5.930,000	700,000	6.630,000	0,000	700,000	700,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Điều chỉnh vốn giữa các cơ quan, đơn vị								0,000			0,000		
1	Danh mục giảm vốn								-9.956,507			-9.956,507		
1.1	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch								-9.466,000			-9.466,000		
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Gộp Nước Ló Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh, Gia Lai						9.466,000	-9.466,000	0,000	9.466,000	-9.466,000	0,000	Bị vướng GPMB, không triển khai
1.2	Xã Vĩnh Quang								-490,507			-490,507		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi													
	BTXM đường giao thông các thôn trong xã Vĩnh Hòa		2023-2024	2374/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	3.680			3.143,218	-0,003	3.143,215	40,218	-0,003	40,215	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM đường vào khu nghĩa trang nhân dân thôn M6	Thôn M6	2024	139/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	792			900,000	-300,000	600,000	300,000	-300,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	Hệ thống điện khu dân cư mới các làng xã Vĩnh Thuận		2023	1911/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	1.634			1.421,000	-52,600	1.368,400	52,600	-52,600	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận		2023	1956/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	4.370			3.791,971	-101,788	3.690,183	114,671	-101,788	12,883	Hết khối lượng thanh toán
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													
	Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao Làng 1, Làng 5, làng 7, xã Vĩnh Thuận	Làng 1, Làng 5, Làng 7	2024	3184/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	2.755			2.397,000	-36,116	2.360,884	300,000	-36,116	263,884	Hết khối lượng thanh toán
2	Danh mục tăng vốn								9.956,507			9.956,507		
2.1	Xã Vạn Đức								2.437,692			2.437,692		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM rãnh thoát nước các tuyến đường thôn 2, xã Ân Sơn (cũ)	Thôn 2, xã Ân Sơn cũ	2025		2.200	1.820	380		1.820,000	1.820,000		1.820,000	1.820,000	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													
	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn 1 xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân	thôn 1	2023-2024	2708/QĐ-UBND ngày 16/06/2023	2.100			1.299,000	617,692	1.916,692	222,000	617,692	839,692	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2.2	Xã Ân Tường								1.800,000			1.800,000		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã 3 sân vận động đến nhà văn hoá thôn O11, xã Đak Mang cũ	Thôn O11, xã Đak Mang cũ	2025		2.300	1.800	500		1.800,000	1.800,000		1.800,000	1.800,000	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
2.3	Xã Tây Sơn								1.500,000			1.500,000		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nội đồng từ công làng Cam đến khu sản xuất	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân (cũ)	2025		1.900	1.500	400	0,000	1.500,000	1.500,000	0,000	1.500,000	1.500,000	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
2.4	Xã Kim Sơn								3.134,188			3.134,188		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Xây dựng mới trường mầm non xã Bok Tới	Thôn T5, xã Bok Tới (cũ)	2023-2024	4340/QĐ-UBND ngày 13/09/2023	4.374			2.659,288	832,185	3.491,473	359,288	832,185	1.191,473	Thanh toán khối lượng hoàn thành

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Trường mẫu giáo vùng cao thôn T6 Bok Tới (Hạng mục: 2 phòng học, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, bếp ăn)	Thôn T6, xã Bok Tới (cũ)	2023-2024	2283/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.057			4.816,971	2.302,003	7.118,974	0,000	2.302,003	2.302,003	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2.5	Xã Bình Phú								594,120			594,120		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng Mẫu chè đến rẫy Đình Hương	Kon Giọt 1, xã Vĩnh An (cũ)	2024	4513/QĐ-UBND, ngày 16/10/2024	1.207			800,000	210,950	1.010,950		210,950	210,950	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy 3 Đức đến rẫy Đình Tô	Xà Tang, xã Vĩnh An (cũ)	2024	4503/QĐ-UBND, ngày 16/10/2024	1.266			576,000	350,000	926,000		350,000	350,000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													
	Cải tạo nhà văn hóa làng Kon Giang, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	Kon Giang, xã Vĩnh An (cũ)	2023	6393/QĐ-UBND, ngày 03/10/2023	616			500,000	33,170	533,170		33,170	33,170	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2.6	Xã Vĩnh Thạnh								490,507			490,507		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Mở rộng Đường + Hệ thống thoát nước các tuyến đường thôn Kon Kring, Klot Pok và Tà Địch	Xã Vĩnh Thạnh	2025		1.500	913	587	0,000	490,507	490,507	0,000	490,507	490,507	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
B2	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH													
I	Điều chỉnh vốn trong nội bộ xã													
1	Xã Chơ Long								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-1.820,000			-1.820,000		
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Nhà rồng văn hóa làng Klăh xã Chợ Glong	Làng Klăh xã Chợ Glong	2025	200/QĐ-UBND ngày 15/12/2024	9.000	7.180	1.820	9.000,000	-1.820,000	7.180,000	9.000,000	-1.820,000	7.180,000	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								1.820,000			1.820,000		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>													
	Đường nội đồng thôn 8 xã Chợ Long	Thôn 8, xã Chợ Long	2025		2.000	1.820	180	0,000	1.820,000	1.820,000	0,000	1.820,000	1.820,000	
3	Xã Canh Vinh											0,000		
a	Danh mục giảm vốn											-63,000		
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt													
	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung làng Canh Tiến, xã Canh Liên	Làng Canh Tiến									63,000	-63,000	0,000	Hiện nay trên địa bàn làng Canh Tiến đã có hệ thống điện lưới quốc gia nên đa số các hộ dân sử dụng nước bơm từ giếng, đảm bảo vệ sinh hơn
b	Danh mục tăng vốn											63,000		
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết													
	San ủi mặt bằng và đầu tư đường nội bộ khu dân cư xen ghép làng Canh Tiến	Làng Canh Tiến			1.300	663	637	0,000	63,000	63,000	0,000	63,000	63,000	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
4	Xã Canh Liên											0,000		
a	Danh mục giảm vốn											-308,350		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>													
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ làng Hà Giao đến làng Kon Lót, làng Chôm, làng Cát, làng Kà Bông, làng Kà Bưng, làng Kà Nâu (giai đoạn 2)	Xã Canh Liên	2024-2025	2048/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	5.553						340,000	-308,350	31,650	Hết khối lượng thanh toán

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
b	Danh mục tăng vốn											308,350		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Sửa chữa cống tràn và đường bê tông suối Cà Chuối 1, làng Cà Nâu	Kà Nâu	2025								0,000	308,350	308,350	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
5	Xã An Hòa											0,000		
a	Danh mục giảm vốn											-195,230		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Làm mới đường bê tông GT nội đồng từ đường liên xã đến đập ruộng Vờ	xã An Quang (cũ)	2025	64/QĐ-UBND 31/03/2025	1.044						108,000	-82,230	25,770	Hết khối lượng thanh toán
	Làm mới đường bê tông GTNT từ thôn 3 qua thôn 4	Thôn 3, 4 xã An Quang (cũ)	2025	64a/QĐ-UBND ngày 31/03/2025	706						113,000	-113,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn											195,230		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng xã An Hòa	Xã An Hòa	2025		400	195	205				0,000	195,230	195,230	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
6	Xã Vĩnh Thạnh											0,000		
a	Danh mục giảm vốn											-51,024		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Tà Diệt đến ruộng Bàu Trung; từ trại Đình Dươm đến núi Hòn Nhộn	Thôn Tà Diệt	2024	126/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	1.139						52,000	-51,024	0,976	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn											51,024		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Mở rộng Đường + Hệ thống thoát nước các tuyến đường thôn Kon Kring, Klot Pok và Tà Diệt	Xã Vĩnh Thạnh	2025		1.500	913	587				0,000	51,024	51,024	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
II	Điều chỉnh vốn giữa các cơ quan, đơn vị											0,000		
1	Danh mục giảm vốn											-1.791,252		
1.1	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch											-1.420,000		
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													
	Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Gộp Nước Ló Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh, Gia Lai									1.420,000	-1.420,000	0,000	Bị vướng GPMB, không triển khai
1.2	Xã Vĩnh Quang											-313,497		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông nội đồng		2023-2024	2513/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	2.357						19,000	-19,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó:		KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
						Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác							
	BTXM đường giao thông các thôn trong xã Vĩnh Hòa		2023-2024	2374/QĐ-UBND ngày 29/8/2023							14,000	-14,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM đường vào khu nghĩa trang nhân dân thôn M6	Thôn M6	2024	139/QĐ-UBND ngày 18/9/2024							41,000	-41,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	Làng 1,2,3,5,6,7,8	2023	1956/QĐ-UBND ngày 11/8/2023							17,000	-17,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM kênh mương nội đồng các làng thuộc xã Vĩnh Thuận	Làng 1,2,4,5,7	2024-2025	1082/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.726						133,000	-127,494	5,506	Hết khối lượng thanh toán
	Hệ thống điện khu dân cư mới các làng xã Vĩnh Thuận	Làng 1, 2,5,6,8	2023	1911/QĐ-UBND ngày 07/8/2023							8,000	-8,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
	Nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa làng 6, 8, xã Vĩnh Thuận	Làng 6, Làng 8	2025	546/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	1.118						133,000	-4,156	128,844	Hết khối lượng thanh toán
	BTXM kênh mương thôn Tiên An, Tiên Hòa, M7	Thôn Tiên An, Tiên Hòa, M7	2025	599/QĐ-UBND ngày 09/04/2025	2.884						337,000	-41,847	295,153	Hết khối lượng thanh toán
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch													
	Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao Làng 1, Làng 5, làng 7, xã Vĩnh Thuận	Làng 1, Làng 5, Làng 7	2024	3184/QĐ-UBND ngày 23/12/2024							41,000	-41,000	0,000	Hết khối lượng thanh toán
1.3	Xã Vĩnh Thịnh											-57,755		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
-	BTXM đường từ ruộng ông Lịch đến thủy điện cũ, xã Vĩnh Hiệp	Thôn Hà Ri	2024-2025	913/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	2.200						73,000	-57,755	15,245	Hết khối lượng thanh toán
2	Danh mục tăng vốn											1.791,252		
2.1	Xã Tây Sơn											1.420,000		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ làng)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán được duyệt	Trong đó: Vốn ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác	KH vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn (đoạn từ Đình Văn Dê đến nhà Đình Mết)	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân (cũ)	2025		1.650	1.420	230				0,000	1.420,000	1.420,000	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
2.2	Xã Vĩnh Thạnh										371,252			
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc													
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN													
	Mở rộng Đường + Hệ thống thoát nước các tuyến đường thôn Kon Kring, Klot Pok và Tà Diệc	Xã Vĩnh Thạnh	2025		1.500	913	587				0,000	371,252	371,252	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025
C	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững													
C1	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG													
I	Điều chỉnh vốn trong nội bộ xã													
1	Xã Chợ Long								0,000			0,000		
a	Danh mục giảm vốn								-189,362			-189,362		
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo													
	Trường Mầm non 30/4	Làng Brul, xã Chợ Long	2025	192/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.300			2.300,000	-86,955	2.213,045	2.300,000	-86,955	2.213,045	Hết khối lượng thanh toán
	Ngâm tràn vào khu sản xuất Thôn 3	Thôn 3, xã Chợ Long	2025	193/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.500			2.500,000	-102,407	2.397,593	2.500,000	-102,407	2.397,593	Hết khối lượng thanh toán
b	Danh mục tăng vốn								189,362			189,362		
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo													
	Trường Mầm non Hướng Dương	Thôn 3, xã Chợ Long	2025		210	190	20	0,000	189,362	189,362	0,000	189,362	189,362	UBND xã cam kết triển khai và giải ngân đạt 100% Kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2025